

HCMC UNIVERSITY OF TECHNOLOGY & EDUCATION <b>FACULTY OF FOREIGN LANGUAGES</b> <b>DEPARTMENT OF BUSINESS ENGLISH</b>		<b>ENGLISH FOR INTERNATIONAL BUSINESS CONTRACTS</b>  <b>FINAL TEST ANSWER KEY</b>	
Invigilator 1	Invigilator 2	Course code: EIBC330237 TERM II – SCHOOL YEAR: 2019-2020 Test date: <b>30/07/2020</b> The paper has <b>35</b> questions, on <b>8</b> pages. Duration: <b>60</b> minutes <b>No materials are allowed.</b>	
Marker 1	Marker 2	Student's name: ..... Student ID No.: ..... Ordinal No.:..... Room:.....	
Raw score:	Raw score:		
Converted score	Converted score		

**Guidelines for multiple choice questions:**

- C is chosen
- A is chosen instead of C
- C is chosen instead of A

- 1. A B  D
- 1.  B  D
- 1.  B  D

## ANSWER KEY

**PARTS I & II**

<b>1</b>	<b>A</b>	B	C	D	<b>8</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>15</b>	<b>A</b>	B	C	D	<b>22</b>	A	<b>B</b>	C	D	<b>29</b>	<b>A</b>	B	C	D
<b>2</b>	<b>A</b>	B	C	D	<b>9</b>	A	<b>B</b>	C	D	<b>16</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>23</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>30</b>	A	<b>B</b>	C	D
<b>3</b>	A	B	<b>C</b>	D	<b>10</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>17</b>	<b>A</b>	B	C	D	<b>24</b>	A	<b>B</b>	C	D	<b>31</b>	<b>A</b>	B	C	D
<b>4</b>	A	<b>B</b>	C	D	<b>11</b>	<b>A</b>	B	C	D	<b>18</b>	A	B	<b>C</b>	D	<b>25</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>32</b>	A	<b>B</b>	C	D
<b>5</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>12</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>19</b>	A	B	<b>C</b>	D	<b>26</b>	<b>A</b>	B	C	D	<b>33</b>	A	B	<b>C</b>	D
<b>6</b>	A	<b>B</b>	C	D	<b>13</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>20</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>27</b>	A	B	C	<b>D</b>					
<b>7</b>	<b>A</b>	B	C	D	<b>14</b>	<b>A</b>	B	C	D	<b>21</b>	A	B	C	<b>D</b>	<b>28</b>	A	<b>B</b>	C	D					

**Suggested ideas:**

**34. Bên mua có quyền kiểm tra hàng hóa trước khi nhận hàng. (0.5 mark)**

Nếu hàng hóa *không đúng (chuẩn) theo hợp đồng / không phù hợp với hợp đồng / sai lệch so với hợp đồng / bị khiếm khuyết, (0.5 mark)*

Bên mua phải báo cho Bên bán về tình trạng khiếm khuyết của hàng hóa theo ý kiến của *riêng/một mình Bên mua trong vòng 15 ngày. (0.5 mark)*

Sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên Mua về tình trạng *không phù hợp / không hợp chuẩn / sai lệch / khiếm khuyết* của hàng hóa, **(0.5 mark)**

Bên bán phải sửa chữa khiếm khuyết trên trong vòng 30 ngày. **(0.5 mark)**

Nếu Bên bán không sửa chữa khiếm khuyết trong thời gian trên, **(0.5 mark)**

Bên mua có quyền tiến hành các biện pháp khắc phục theo (quy định của) pháp luật. **(0.5 mark)**

**35. In the event that Party A or Party B is unable to perform any of its obligations/responsibilities (0.5 mark)**

because of Force Majeure events, including natural disasters, riots, wars, and acts of terrorism, **(0.5 mark)**

the non-performed/non-performance Party shall be entitled to suspend the performance of *such/the/the aforementioned* obligations/responsibilities **(0.5 mark)**

*only to the extend / for so long as / for the duration* that the Force Majeure prevents the performance / *the performance is prevented by the Force Majeure / the non-performed Party is affected by the Force Majeure,* **(0.5 mark)**

provided that the affected Party shall give written notice of the Force Majeure (situation) to the other Party. **(0.5 mark)**

If the total number of non-performance days exceeds 90, **(0.5 mark)**

either Party may terminate this contract by giving written notice of termination to the other Party. **(0.5 mark)**